

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền.

2. Ông Hà Duy Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1996 - Có mặt.

Trú tại: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1994 - Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Hoàng Thị H trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T quá trình tìm hiểu tình cảm với nhau, rồi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào cuối năm 2014. Nhưng đến ngày 19/3/ 2015 chị H và anh T mới tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đến ngày 13/4/2015 làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con chung là Hoàng Hương G sinh ngày 01/02/2015. Trước khi hai bên kết hôn đã được tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới và có đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống ở cùng gia đình bố, mẹ đẻ của anh T tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống trước thời điểm anh T bị bắt do có hành vi vi phạm pháp luật, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa thấu hiểu nhau được kỹ nên khi về chung sống với nhau vợ chồng không hòa hợp mỗi người một tính cách nên luôn mâu thuẫn trong cách nhìn nhận tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Từ nguyên nhân khi tìm hiểu tình cảm không được kỹ nên về chung sống với nhau một thời gian ngắn chị H mới phát hiện anh T mắc nghiện ma túy. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không nghe, không chịu khó tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ đến con. Đến tháng 4 năm 2015 thì anh T bị bắt về hành vi “Cướp tài sản”. Chị H cảm thấy lo lắng hơn vì anh T từ mắc nghiện ma túy rồi dẫn đến cướp tài sản; từ những nguyên nhân đó chị H không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Từ khi cưới, hỏi, sinh con và có đăng ký kết hôn chị H và anh T chung sống với nhau một thời gian chưa đầy một năm thì anh T bị bắt vào tháng 4 năm 2015. Đến tháng 7 năm 2015 chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại thôn B, xã X sinh sống cho đến nay. Tháng 4 năm 2020 anh T chấp hành xong án phạt tù và trở về địa phương. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T sinh được 01 con chung có họ và tên Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị H (ở cùng gia đình bố, mẹ chị H) tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chị nhận thấy chị có điều kiện nuôi con tốt hơn anh T. Nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hoàng Văn T tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận quá trình tìm hiểu đến tổ chức cưới, hỏi và đăng ký kết hôn giữa anh với chị H là đúng như chị H đã trình bày. Nhưng chị H trình bày anh mắc nghiện ma túy, hay chơi cờ bạc, lô đề là không đúng. Anh T thừa

nhận vợ chồng chung sống từ năm 2014 đến đầu năm 2015 trước thời điểm anh bị bắt vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gia đình, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng cần phải ly hôn. Tuy nhiên nay chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H sinh được 01 con chung có họ và tên Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là giải quyết việc xin ly hôn và nuôi con chung. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn chị H, nhưng anh T không đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Về thời hạn giải quyết vụ án được đảm bảo trong thời hạn pháp luật quy định. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đầy đủ theo pháp luật quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Hoàng Thị H với anh Hoàng Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có họ và tên Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị H (ở cùng gia đình bố, mẹ chị H) tại thôn B, xã X,

huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, khi thật cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về căn cứ áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[2]. Về căn cứ áp dụng pháp luật nội dung: Được xác định là vụ án tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T sau khi tìm hiểu tình cảm rồi hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào năm 2014 đến năm 2015 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống một thời gian ngắn hai bên thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa tìm hiểu nhau kỹ nên khi về chung sống với nhau vợ chồng không hòa hợp mỗi người một tính cách, luôn mâu thuẫn trong cách nhìn nhận tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hiện nay chị H và anh T đã sống ly thân, hôn nhân thực tế không tồn tại. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh T hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

...”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T sinh được 01 con chung là Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị H tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Xét về điều kiện nuôi con chung: Đối với chị H, hiện nay đi làm công nhân thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ. Đối với anh T thì hiện nay anh là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Chị H và anh T chưa có nhà ở riêng, anh T đang chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh T và chị H đang chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của chị H. Qua xác minh tại thôn N, xã B thì được biết hiện nay anh T là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, là người ham chơi, không tu chí làm ăn, hay uống rượu say và gây rối trật tự tại địa phương. Vì vậy, nếu giao cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có họ và tên là Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015 là không đảm bảo như đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử đã xem xét cân nhắc về điều kiện nuôi con thì thấy từ khi chị H đưa con chung Hoàng Hương G sinh ngày 01/02/2015 về ở cùng bố, mẹ đẻ tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn từ tháng 7/2015 đến nay con chung vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Qua xác minh bên gia đình bố, mẹ chị H thì bố mẹ chị H nhất trí nếu chị H và anh T buộc phải ly hôn nhau và chị H được quyền nuôi con thì bố, mẹ chị H cho chị H và con của chị H về ở chung sống cùng gia đình bố, mẹ. Bố, mẹ chị H còn khỏe mạnh và giúp chị H trông nom, chăm sóc, đưa đón đi học hằng ngày để chị H có thể yên tâm đi làm công nhân kiếm tiền nuôi con. Chị H trình bày đi làm công nhân nhưng ít nhất mỗi tháng chị về thăm con một lần. Như vậy, giao con chung Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015 cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung về tất cả mọi mặt được tốt hơn so với anh T.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có họ và tên là Hoàng Hương G, sinh ngày 01/02/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi (hiện nay, con chung Hoàng Hương G đang ở với chị H và bố, mẹ đẻ chị H tại thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị H đã nộp theo biên lai số 0000504 ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn